

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 73/2025/HS-PT

Ngày: 22 -5-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Tuấn Vũ;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025, do có kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#), [Đặng Kim Q1](#) và bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: [Lê Duy Q](#), sinh năm 1997, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: [Tổ I, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng](#); nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Lê Văn T1](#), sinh năm 1970 và bà [Nguyễn Thị G](#), sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo [Lê Duy Q](#): Ông [Nguyễn Hồng H](#) – Luật sư của [Công ty TNHH L](#), thuộc [Đoàn Luật sư Thành phố H](#). Vắng mặt.

2. Họ và tên: [Đặng Kim Q1](#), sinh năm 1999, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam](#); chỗ ở hiện nay: [Số A, V, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng](#); nghề nghiệp: làm mướn; trình

độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Đặng Kim H1](#), sinh năm 1965 và bà [Lê Thị H2](#), sinh năm 1967; vợ: [Phạm Thị Cẩm H3](#), sinh năm 2001; con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 12/4/2022, [Công an huyện D](#), tỉnh Quảng Nam xử phạt số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; đã nộp phạt xong ngày 18/4/2022, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Bị hại kháng cáo:*

Họ và tên: [Nguyễn Thị Bích T](#), sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: [Số A, Hẻm A, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh](#). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2022, chị [Nguyễn Thị Bích T](#) có nhu cầu vay tiền nên lên mạng [G1](#) tìm người cho vay và quen biết anh [Bùi Xuân Đ](#), sinh năm 1992, cư trú tại [Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam](#). Ngày 15/7/2022, anh [Đ](#) giới thiệu chị [T](#) thế chấp Quyền sử dụng đất do chị [T](#) đứng tên chủ sử dụng cho anh [Thi Quốc T2](#), sinh năm 1987, cư trú tại [Số C N, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh](#), để vay tiền. Anh [T2](#) cho chị [T](#) vay tiền nhưng nhờ anh [Bùi Quang Q2](#), sinh năm 1975, cư trú tại [Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh](#) đứng tên nhận uỷ quyền đối với quyền sử dụng đất chị [T](#) thế chấp là thửa đất số 503, tờ bản đồ số 14, địa chỉ [khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh](#) do chị [T](#) đứng tên chủ sử dụng đất. Đến ngày 19/7/2022, anh [T2](#) yêu cầu anh [Q2](#) chuyển nhượng phần đất này cho người cùng góp vốn là vợ chồng anh [Lương Nhật T3](#), sinh năm 1980 và chị [Lương Thị Thanh T4](#), sinh năm 1980, cùng cư trú tại [1 L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh](#). Ngày 26/7/2022, anh [Lương Nhật T3](#) và chị [Lương Thị Thanh T4](#) được [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 8/2022, anh [T3](#) rút vốn và anh [Lưu Tấn N](#), sinh năm 1987, cư trú tại [Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu](#) cùng hùn vốn làm ăn với [T2](#), nên thửa đất số 503 được chuyển cho anh [N](#), anh [N](#) nhờ anh [Võ Quốc T5](#), sinh năm 1993, cư trú tại [ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An](#) đứng tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất (chỉnh lý, cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Sau đó vào ngày 31/12/2022, chị T vay tiền của anh Bùi Xuân Đ để trả cho anh T2 số tiền 1.120.000.000 đồng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho anh Đ. Hai bên không làm hợp đồng thế chấp mà làm hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 03/01/2024, đồng thời làm bản cam kết xác định anh Đ cho chị T vay 3.356.000.000 đồng, trong thời hạn từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/3/2023, anh Đ không được chuyển nhượng cho bên thứ 3. Đến ngày 09/01/2023, anh Đ đã được Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố T chỉnh lý, cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T mà trước đó anh T5 đã được cập nhật đứng tên chủ sử dụng đất sang tên anh Đ.

Do chị T chưa thanh toán hết tiền vay cho anh Đ theo như cam kết, nên vào ngày ngày 31/3/2023, anh Đ chuyển nhượng thửa đất nói trên cho anh cho Lê Duy Q với số tiền 3.500.000.000 đồng, đã nhận tiền mặt của Q 2.500.000.000 đồng, còn 1.000.000.000 đồng sẽ thanh toán khi nào anh Đ bàn giao đất và tài sản trên đất. Q đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ1 - Chi nhánh thành phố T chỉnh lý, cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Q vào ngày 13/4/2023.

Do anh Đ chưa bàn giao đất và tài sản trên đất đã chuyển nhượng, Q và Q1 đã nhiều lần đến gây sức ép buộc chị T giao đất và nhà cho mình, cụ thể gồm các lần như sau:

- Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ ngày 20/4/2023, Q và Q1 đến gặp gia đình chị T yêu cầu giao nhà, đất, chị T cho rằng mình chỉ thế chấp không có chuyển nhượng nên không đồng ý. Đồng thời, chị T trình báo và Công an phường H đã mời 02 bên về trụ sở làm việc. Tại Công an phường H, chị T và Q cam kết không gây mất an ninh trật tự, sẽ khởi kiện ra toà để giải quyết tranh chấp đất đai.

- Lần thứ hai: khoảng 14 giờ ngày 21/4/2023, Q điều khiển xe mô tô chở Q1 đến nhà chị T, thấy cổng rào khoá bên trong, Quốc đội khăn trắng trên đầu cùng Q1 leo rào vào ngồi trong sân nhà. Phát hiện Q, Q1 tự ý vào nhà, chị T trình báo Công an phường H đến làm việc. Lúc này, Quốc đẩy xe mô tô hiệu SH vào để trong sân nhà chị T. Tại Công an phường H, Q trình bày đã được hướng dẫn khởi kiện ra Toà án để giải quyết tranh chấp đất đai, nhưng do mua đất hết tiền, không còn tiền khởi kiện, sẽ tự thoả thuận với chị T, Q cam kết không gây mất an ninh trật tự.

- Lần thứ ba: khoảng 11 giờ ngày 22/4/2023, Q và Q1 đi xe taxi đến nhà chị T, thấy cổng rào khoá bên trong, Q và Q1 tiếp tục leo rào vào trong sân nhà, ngồi ghế đá ăn cơm hộp. Phát hiện Q, Q1 tự ý vào nhà, chị T không đồng ý nên kêu anh Trần Văn G2 (bạn trai chị T) kêu Q và Q1 ra về. Q lấy xe mô tô SH chở Q1 ra về.

- Lần thứ tư: trong lúc chị T đến Phòng C Công an T trình báo sự việc Đ cho vay lãi nặng và việc Q và Q1 đến đòi giao nhà, đất, đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày 24/4/2023, Q và Q1 tiếp tục đến nhà chị T, anh Nguyễn Việt T6 (là anh ruột của chị T) mở cửa cho vào nói chuyện, đồng thời anh T6 thông báo cho chị T biết. Nhận được tin, chị T trình báo với Phòng C Công an T mời về trụ sở làm việc. Sau khi làm việc xong, khoảng 15 giờ cùng ngày, Q, Q1 tiếp tục quay lại nhà chị T và được anh T6 mở cổng cho vào. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày có anh Lò Văn T7, sinh năm 1990 bạn của Q1 đến cùng Q, Q1 ngủ tại phòng khách. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, chị T về nhà, đi vào phòng ngủ của mình ở tầng trệt, không nói gì với nhóm của Q. Anh G2, T6 ngủ ở hành lang trước phòng ngủ chị T. Đến tối ngày 25/4/2023, Nguyễn Văn P, sinh năm 1987, là bạn của chị T đến nhà chơi, P đuổi nhóm của Q ra khỏi nhà chị T nhưng Q không đồng ý, P dùng tay đánh Q gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%, nên nhóm của Q bỏ đi.

- Lần thứ năm: vào ngày 11/5/2023, Q rủ bạn là Đâu Đình T8, sinh năm 1991 cùng Q1 đến nhà chị T yêu cầu giao nhà, đất. Khi đến nơi, Q, Q1 và T8 đứng ngoài cổng rào yêu cầu mở cổng thì chị T điện thoại báo Công an phường H đến làm việc. Tại đây, Q yêu cầu chị T giao nhà, đất nhưng chị T không đồng ý, 02 bên cãi nhau lớn tiếng nhưng được Công an phường can ngăn.

- Lần thứ sáu: vào ngày 08/6/2023, Q cùng Q1, T8 và Nguyễn Văn T9 tiếp tục đến nhà chị T yêu cầu giao nhà, đất. Khi đến nơi thấy cổng rào khoá bên trong, Q leo rào để vào nhà, khi đang leo thì bị ông Nguyễn Văn T10 (là cha ruột của chị T) cầm cây chĩa cán trúc có 4 đầu nhọn đứng phía trong rào đâm trúng vùng sườn trái của Q (kết quả giám định không có thương tích) ngăn không cho Q leo vào. Sau khi bị đâm, Q đi lại phía cổng rào dùng ổ khoá đã chuẩn bị sẵn khoá trái cổng rào từ bên ngoài. Sau đó, Q bị anh G2 dùng nạng thun bắn viên bi sắt trúng vào đuôi mắt bên phải gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 7%, nên bỏ đi.

Tại Kết luận giám định số 3361/KL-KTHS ngày 12/7/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: không phát hiện thấy dấu

hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong 04 File video mẫu cần giám định, gồm:

+ File “VTS_01_1.VOB” (thời lượng 00 phút 33 giây, mã Md5: “9C52E54E884222CE3A1B89E6B1609937”) lưu trong đĩa DVD-R, trên mặt đĩa có ghi ký hiệu “1”.

+ File “VTS_01_1.VOB” (thời lượng 00 phút 24 giây, mã Md5: “B34F5C3660F72C557D60F8B73735”) lưu trong đĩa DVD-R, trên mặt đĩa có ghi ký hiệu “2”

+ File “VTS_01_1.VOB” (thời lượng 00 phút 12 giây, mã Md5: “052599957B4E204B6A4A6A34AF1B2D98”) lưu trong đĩa DVD-R, trên mặt đĩa có ghi ký hiệu “3”

+ File “VTS_01_1.VOB” (thời lượng 00 phút 45 giây, mã Md5: “74563145CDEB3A7B34A1F831A2B94B9F”) lưu trong đĩa DVD-R, trên mặt đĩa có ghi ký hiệu “4”

Tại Cáo trạng số 142/CT-VKSTPTN ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 158, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Lê Duy Q](#) **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 158, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo [Đặng Kim Q1](#) **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

* Ngày 04/3/2025 và ngày 10/3/2025, các bị cáo [Đặng Kim Q1](#) và [Lê Duy Q](#) có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

* Ngày 06/3/2025, bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xử tăng hình phạt đối với các bị cáo [Q](#) và [Q1](#); ngoài tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c khoản 2 Điều 158, còn phải xét xử bị cáo [Q](#) và [Q1](#) theo điểm a và đ khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự. Xem xét xử lý đối tượng thứ 3 ngủ trong nhà bị hại và trả hồ sơ điều tra bổ sung tránh bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên toà:

- Các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) trình bày ý kiến: giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về tăng hình phạt đối với các bị cáo; rút lại các yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định tại điểm a và đ khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự; và rút lại yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung đối tượng thứ 3 ngủ trong nhà bị hại cùng với các bị cáo [Q](#) và [Q1](#).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến: Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo [Đặng Kim Q1](#) và [Lê Duy Q](#) về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt 01 năm tù Toà án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo là khởi điểm của khung hình phạt các bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy như đã phân tích trên, cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù giam là tương xứng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Đối với các yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định tại điểm a và đ khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự và yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung đối tượng thứ 3 ngủ trong nhà bị hại cùng với các bị cáo [Q](#) và [Q1](#), tại phiên toà hôm nay, bị hại Tuyền rút lại không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét nên không xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) và không chấp nhận kháng cáo của bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo [Lê Duy Q](#), [Đặng Kim Q3](#) và bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) không trình bày ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn, hối cải về việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) rút một phần kháng cáo về yêu cầu xử các bị cáo theo quy định tại điểm a và đ khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự và yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung đối tượng thứ 3 ngủ trong nhà bị hại cùng với các bị cáo [Q](#) và [Q3](#), do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của bị hại.

[1.2] Đơn kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#) (lập ngày 10/3/2025), [Đặng Kim Q1](#) (lập ngày 04/3/2025) và bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) (lập ngày 06/3/2025) gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm còn trong thời hạn luật định, nội dung đơn kháng của các bị cáo, bị hại hợp lệ phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Người bào chữa cho bị cáo [Q](#) vắng mặt, bị cáo [Q](#) đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo [Q](#).

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: tại phiên tòa, các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) vay tiền của anh [Bùi Xuân Đ](#) nhiều lần, có thể chấp tài sản bằng hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 503, tờ bản đồ số 14 tại [khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh](#) vào ngày 03/01/2023; đồng thời làm bản cam kết xác định anh [Đ](#) cho chị [T](#) vay 3.356.000.000 đồng, trong thời hạn từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/3/2023, anh [Đ](#) không được chuyển nhượng cho bên thứ 3. Trên đất có căn nhà chị [T](#) mới xây dựng và đang ở cùng gia đình. Do chị [T](#) không trả tiền vay đúng như thoả thuận, anh [Đ](#) đã chuyển nhượng thửa đất và tài sản trên thửa đất này cho bị cáo

[Lê Duy Q](#) vào ngày 31/3/2023. Tuy nhiên, [Q](#) chưa được [Đ](#) bàn giao đất và tài sản trên phần đất này, nhà và đất này chỉ [T](#) vẫn đang quản lý, sử dụng.

Do chưa được anh [Đ](#) bàn giao nhà, đất, nên vào khoảng 14 giờ ngày 20/4/2023, [Q](#) và [Q1](#) đến gặp gia đình chị [T](#) yêu cầu giao nhà, đất, chị [T](#) cho rằng mình chỉ thể chấp không có chuyển nhượng nên không đồng ý. Đồng thời, chị [T](#) trình báo và [Công an phường H](#) đã mời 02 bên về trụ sở làm việc. Tại [Công an phường H](#), chị [T](#) và [Q](#) cam kết không gây mất an ninh trật tự, sẽ khởi kiện ra toà để giải quyết tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, [Q](#) không thực hiện theo cam kết với Công an Phường sẽ khởi kiện tranh chấp dân sự đến Toà án có thẩm quyền để giải quyết mà lại tiếp tục cùng [Q1](#) lần nữa đến nhà chị [T](#) gây sức ép buộc chị [T](#) bàn giao nhà, đất cho mình, trong đó có 02 lần vào ngày 21/4/2023 và ngày 22/4/2023 [Q](#) và [Q1](#) tự ý leo rào vào nơi ở của chị [T](#) khi chưa được sự đồng ý của chị [T](#) và người nhà.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của người khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi các bị cáo gây ra.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo [Q](#) có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, có ông ngoại và bà ngoại (là ông [Nguyễn Hữu T11](#) và bà [Võ Thị N1](#)) được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt mà 02 bị cáo bị truy tố, xét xử, tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội các bị cáo gây ra. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Q](#) và [Q1](#).

[5] Xét kháng cáo của bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#), Hội đồng xét xử thấy rằng: như đã nhận định tại mục [4], mức hình phạt 01 năm tù cấp sơ thẩm xử phạt

các bị cáo [Q](#) và [Q1](#) là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại để tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#), [Đặng Kim Q1](#) và của bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#); chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, các bị cáo phải chịu. Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#);
Không chấp nhận kháng cáo của bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#);

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lê Duy Q](#) **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Đặng Kim Q1](#) **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo [Lê Duy Q](#) và [Đặng Kim Q1](#) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị hại [Nguyễn Thị Bích T](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 (Vụ 1) TANDTC;
- TANDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT,TT&THA TAND tỉnh TN;
- Văn phòng CQCQĐT CA tỉnh TN;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng LL.STP tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP Tây Ninh;
- VKSND TP Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ ờ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu